TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1142/2017/HC-PT
Ngày: 14-12-2017
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại, tái định cư và cưỡng chế thu hồi đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Kim Thoa
Các Thẩm phán: 1. Ông V Bảo Nguyên
2. Bà Đặng Mạnh Đoan Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Nam – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Châu Hiệp Phát – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 46/2017/TLPT-HC ngày 02 tháng 10 năm 2017 về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại, tái định cư và cưỡng chế thu hồi đất"

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2017/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận H bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2314/2017/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2017 và Quyết hoãn phiên tòa hành chính phúc thẩm số 6507/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Lê Hoàng Diệp T, sinh năm 1973
Địa chỉ: Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện hợp pháp của bà Lê Hoàng Diệp T:
- Bà Lê Thị T, sinh năm 1978
Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh
(Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số công chứng 022971 ngày 24/12/2015 tại Văn phòng Công chứng G, Thành phố Hồ Chí Minh).
- Ông Nguyễn Mạnh V, sinh năm 1964
Địa chỉ: Phường E, quận T Thành phố Hồ Chí Minh.

(Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số công chứng 015175 ngày 06/9/2017 tại Văn phòng Công chứng Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ trụ sở: phường L, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H:

- Ông Trần Tuấn Khanh – Phó Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận H

- Bà Phan Thị Minh Loan – Trưởng phòng Tiếp công dân, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận H.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ủy ban nhân dân Phường Đ, Quận H

Địa chỉ trụ sở: Phường Đ, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân Phường Đ, Quận H: Ông Nguyễn Thoại H – Công chức Địa chính – Xây dựng phường Đ

(Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 255/UBND ngày 02/6/2017 của Ủy ban nhân dân Phường Đ, Quận H)

3.2. Ông Đặng Lê Nguyên V, sinh năm 1971

Địa chỉ: phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của ông Đặng Lê Nguyên V:

- Ông Huỳnh Minh S, sinh năm 1983

Địa chỉ: Xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

(Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số công chứng 12648 ngày 08/7/2016 tại Văn phòng Công chứng Quận m, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ông Bùi Minh N, sinh năm 1980

Địa chỉ: phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

(Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số công chứng 07827 ngày 15/5/2016 tại Văn phòng Công chứng Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Người kháng cáo: Bà Lê Hoàng Diệp T – Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện bà Lê Hoàng Diệp T có người đại diện hợp pháp là bà Lê Thị T và ông Nguyễn Mạnh V trình bày: Bà T là chủ sở hữu nhà đất tọa lạc tại số đường D, khu phố 4, phường Đ, Quận H, TP Hồ Chí Minh với diện tích 3.064,9m^2. Nhà đất này nằm trong ranh thu hồi để dự án đầu tư xây dựng Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi theo văn bản chấp thuận địa điểm số 4684/UBND-ĐTMT ngày 20/9/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23/12/2014, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận H lập bảng

chiết tính số 01/BTĐ về giá bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với bà T, tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ cho bà T là 12.262.295.000 đồng (mười hai tỷ, hai trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Ngày 29/12/2014, Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 5560/QĐ-UBND về bồi thường hỗ trợ tái định cư đối với bà T với mức giá bồi thường là 12.262.295.000 đồng.

Bà T nhận thấy Ủy ban nhân dân Quận H, TP Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 5560/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho bà với số tiền nêu trên là chưa thỏa đáng, nên chưa đồng ý nhận. Đồng thời do công việc kinh doanh, bà thường xuyên đi công tác nước ngoài nên chưa trực tiếp làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết yêu cầu bồi thường hỗ trợ tái định cư phần đất nêu trên.

Đến ngày 19/10/2015, bà T nhận Thông báo số 155/TB-UBND của Ủy ban nhân dân phường Đ về việc sẽ tổ chức thực hiện Quyết định số 3818/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H về cưỡng chế thu hồi đất đối với bà T trong dự án đầu tư xây dựng trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi tại phường Đ, Quận H vào ngày 22/10/2015.

Ngày 20/10/2015, bà T có đơn kiến nghị tạm dừng việc cưỡng chế thu hồi đất đối với phần đất nêu trên do việc thu hồi đất ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của bà, nhưng Ủy ban nhân dân Quận H vẫn tổ chức cưỡng chế thu hồi đất của bà vào ngày 22/10/2015.

Nhận thấy việc Ủy ban nhân dân Quận H có những vi phạm sau: ban hành mức giá bồi thường, hỗ trợ tái định cư toàn bộ diện tích đất như nêu trên với số tiền 12.262.295.000 đồng là chưa đúng với quy định của pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T; trình tự thu hồi đất của bà T thực hiện không đúng quy định của pháp luật vì cho thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất, tuy nhiên Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định thu hồi đất số 10657/QĐ-UBND-TNMT ngày 10/9/2012 rồi sau đó mới lập Phương án bồi thường số 2801/QĐ-UBND ngày 27/6/2014; ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất trong khi bà T chưa được Ủy ban mặt trận tổ quốc phường tổ chức vận động, thuyết phục giao đất, vi phạm Điểm a và b Khoản 2 Điều 71 Luật đất đai 2013. Ngoài ra, bà T không nhận được những giấy mời mà Ủy ban nhân dân Quận H mời bà T đến làm việc, hoặc nếu có nhận được thì cũng nhận được trễ. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5560/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân Quận H về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định số 3818/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H về cưỡng chế thu hồi đất đối với bà T.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận H có ông Nguyễn Phước H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân là người đại diện hợp pháp trình bày:

Nhà đất tại số đường D, ấp Đông (mới khu phố 4) phường Đ, Quận H; thuộc một phần thửa đất số 42, tờ bản đồ số 2 (tài liệu bản đồ địa chính đo đạc năm 2004); thuộc các thửa số 76, 79, một phần các thửa đất số 75, 77, 78, 1423 và một phần rạch, tờ bản đồ số 10 (tài liệu 02/CT-UB) do bà Lê Hoàng Diệp T

quản lý, sử dụng nằm trong phạm vi giải tỏa thuộc dự án đầu tư xây dựng Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, phường Đ, Quận H.

Ngày 17/12/2014, Ủy ban nhân dân phường Đ có Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà đất số 483/UBND-XN đối với phần nhà, đất nêu trên

Ngày 26/12/2014, Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng dự án ký Bảng chiết tính số 01/BTĐ về giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với hộ bà T với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 12.262.295.000 đồng. Trường hợp đủ điều kiện tái định cư mà không đăng ký tái định cư thì được hỗ trợ chi phí đầu tư hạ tầng/m²: 200m² x 809.000 đồng = 161.800.000 đồng.

Ngày 29/12/2014, Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 5560/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bà T với tổng số tiền là 12.262.295.000 đồng; về tái định cư: Trường hợp không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn phường, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Đ thì đủ điều kiện tái định cư.

Do Thảo chưa đồng ý nhận số tiền nêu trên nên vào ngày 23/01/2015 Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng dự án đã gửi số tiền nêu trên vào Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức và ban hành Thông báo số 137/TB-HĐBT ngày 30/01/2015 thông báo cho bà T biết việc đã gửi số tiền nêu trên vào ngân hàng để thực hiện thu hồi đất đối với bà T.

Ngày 26/8/2015, Ủy ban nhân dân phường Đ có thư mời bà T đến để tiếp xúc, vận động bàn giao mặt bằng, thời gian tiếp xúc ngày 31/8/2015, nhưng bà T không đến và không thông báo lý do vắng mặt.

Ngày 07/9/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 3818/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Lê Hoàng Diệp T.

Ngày 09/9/2015, Ủy ban nhân dân phường Đ có thư mời bà Lê Hoàng Diệp T đến Ủy ban nhân dân phường vào lúc 10h30 ngày 14/9/2015 để nhận quyết định cưỡng chế thu hồi đất (bản chính). Tuy nhiên, bà T không đến và không thông báo lý do vắng mặt.

Ngày 21/9/2015, bà Nguyễn Thị Thúy Uyên (nhân viên Công ty Cổ phần tập đoàn Trung Nguyên do bà T làm chủ) đến liên hệ để nhận Quyết định cưỡng chế số 3818/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H (bản chính) và cam kết sẽ giao lại cho bà Lê Hoàng Diệp T.

Ngày 07/10/2015, đại diện Ủy ban nhân dân phường Đ, Đội Quản lý trật tự đô thị quận, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận phối hợp với công chức Tư pháp – Hộ tịch Phường B, Quận B đến tại địa chỉ nhà số , Phường B, Quận B để bàn giao bản chính Quyết định cưỡng chế số 3818/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H cho bà T, có bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết (là nhân viên công ty do bà Lê Hoàng Diệp T làm chủ) đã nhận quyết định nêu trên và cam kết sẽ giao cho bà T.

Ngày 22/10/2015, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đã tiến hành cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Lê Hoàng Diệp T tại vị trí giải tỏa trên.

Việc Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 5560/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 3818/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 về cưỡng

chế thu hồi đất đối với bà Lê Hoàng Diệp T đối với phần nhà, đất tại vị trí đường D, ấp Đông (Khu phố 4) phường Đ, Quận H là đúng theo trình tự, thủ tục, chính sách và phù hợp theo quy định của pháp luật được quy định tại Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T cho rằng bà không có điều kiện tiếp xúc hiệp thương với Ủy ban nhân dân Quận H do không nhận được hoặc nhận được rất trễ các thông báo, giấy mời của Ủy ban nhân dân Quận H là không có cơ sở vì Ủy ban nhân dân Quận H đã mời bà T rất nhiều lần để hiệp thương nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Nếu bà T nhận được thư mời trễ thì có thể đến liên hệ Ủy ban nhân dân Quận H để yêu cầu một lịch làm việc khác nhưng bà T đã không có động thái nào thể hiện mong muốn hợp tác với Ủy ban nhân dân Quận H, cho đến khi có thông báo về việc tổ chức cưỡng chế thì bà T mới làm đơn yêu cầu hoãn việc cưỡng chế, cho thấy bà T có nhận được các thông báo và giấy mời nhưng bà T đã cố tình không hợp tác.

Từ những cơ sở trên Ủy ban nhân dân Quận H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân Phường Đ, Quận H có Ông Nguyễn Thoại H là người đại diện hợp pháp trình bày:

Ủy ban nhân dân phường Đ đã tiến hành thông báo, niêm yết hợp lệ đối với hồ sơ của bà Lê Hoàng Diệp T cụ thể:

Ngày 18/11/2011, tổ công tác bồi thường dự án đầu tư xây dựng trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi tiến hành khảo sát, đo đạc, kiểm kê vật kiến trúc, hoa màu, tài sản gắn liền với đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ cho bà T theo biên bản kiểm kê hoa màu, có ông Bùi Mai Quốc C (người trông coi đất cho bà T) ký thay vào biên bản. Ngoài ra ông Công hướng dẫn ranh giới đất của bà T với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận H (nay là Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh Quận H) đã lập bản đồ hiện trạng vị trí ngày 28/8/2015, với diện tích sử dụng của bà T là 3.073,7 m^2 (trong đó, diện tích đất trong ranh dự án là 3.065 m^2).

Ngày 10/9/2012, Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 10657/QĐ-UBND-TNMT về thu hồi đất của bà T

Ngày 14/9/2012, Ủy ban nhân dân phường đã ban hành Thông báo số 70/TB-UBND ngày 14/9/2012, niêm yết các Quyết định thu hồi đất trong dự án, trong đó có Quyết định thu hồi đất của bà T.

Ngày 10/10/2014, Ủy ban nhân dân phường đã mời bà T để công bố Quyết định thu hồi đất và đề nghị bà T liên hệ Ủy ban nhân dân phường để cung cấp hồ sơ, nhưng bà T không có mặt (Tổ công tác có lập biên bản làm việc ghi nhận với ông Lê Hoàng S, đại diện cho bà T).

Ngày 17/12/2014, Ủy ban nhân dân phường lập Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà, đất số 483/UBND-XN, xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng nhà đất của bà T .

Sau đó Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 5560/QĐ-

UBND ngày 29/12/2014 về bồi thường , hỗ trợ và tái định cư cho bà T.

Ngày 07/9/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 3818/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất của bà T, đến ngày 22/10/2015, Ủy ban nhân dân Quận H đã tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của bà T theo quy định pháp luật.

Ủy ban nhân dân phường Đ nhận thấy việc lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ cho bà T và hồ sơ cưỡng chế đối với bà T là đúng với quy định đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Lê Nguyên V có ông Huỳnh Minh S và ông Bùi Minh N là người đại diện hợp pháp trình bày:

Phần đất trên được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân và là tài sản chung của ông V và bà T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, ngoài ra ông V không có ý kiến hoặc yêu cầu nào khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2017/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân Quận H đã quyết định như sau:

Căn cứ vào Điều 146, Điều 194, Điều 206 Luật tố tụng hành chính có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 104 Luật tố tụng hành chính năm 2010

Căn cứ khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015

Căn cứ khoản 4 Điều 67,Điều 71 luật đất đai năm 2013

Căn cứ vào Nghị quyết 02/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm pháp Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện bà Lê Hoàng Diệp T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5560/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân Quận H về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định số 3818/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H về cưỡng chế thu hồi đất.

2. Án phí hành chính sơ thẩm bà Lê Hoàng Diệp T phải chịu là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng theo biên lai số AD/2012/04055 ngày 06/01/2016 do chi cục Thi hành án dân sự Quận H lập. Bà T đã nộp đủ án phí. Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản sao bản án.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, bà Lê Hoàng Diệp T kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà với lý do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xét hết các tình tiết khách quan của vụ án, Ủy ban nhân dân Quận H đã vi phạm trình tự thu hồi đất, áp giá đền bù chưa thỏa đáng nhưng đã cưỡng chế thu hồi đất đối với

quyền sử dụng đất thuộc một phần các thửa đất số 76, 79 và một phần các thửa đất số 75, 77, 78, 1423, rạch tờ bản đồ số 10 (theo tài liệu 02/CT-UB), nay thuộc một phần thửa 42, tờ bản đồ số 02 (bản đồ địa chính năm 2004), với tổng diện tích là 3.064,9m^2, tọa lạc tại D, ấp Đông (nay là Khu phố 4), phường Đ, Quận H.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Người khởi kiện là bà Lê Hoàng Diệp T có người đại diện hợp pháp là bà Lê Thị T và ông Nguyễn Mạnh V vắng mặt; Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Phước H – Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Quận H vắng mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân Phường Đ, Quận H có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Thoại H – Công chức Địa chính – Xây dựng phường Đ vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Lê Nguyên V có người đại diện hợp pháp là ông Huỳnh Minh S và ông Bùi Minh N vắng mặt;

- Sau khi nghe Chủ tọa phiên tòa đọc đơn kháng cáo của bà Lê Hoàng Diệp T, bà Phan Thị Minh Loan và ông Trần Tuấn Khanh là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H trình bày ý kiến như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Hoàng Diệp T và giữ nguyên quyết định cuả bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm: Từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, thụ lý, thẩm quyền, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự trong vụ án cũng đã chấp hành đúng quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

+ Về kháng cáo của bà Lê Hoàng Diệp T: 2 đã vi phạm trình tự thu hồi đất, áp giá đền bù chưa thỏa đáng nhưng đã cưỡng chế thu hồi đất đối với quyền sử dụng đất

Về trình tự, thủ tục thu hồi đất: Quá trình thực hiện Quyết định số 5560/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân Quận H và Quyết định số 3818/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H, Ủy ban nhân dân phường Đ, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Quận H, Tổ công tác dự án đã nhiều lần và thường xuyên thư mời bà T tiếp xúc, hiệp thương và giải quyết hồ sơ, kể cả việc đến nhà bà T để công bố các quyết định đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của bà Thủy cho rằng Ủy ban nhân dân Quận H đã vi phạm trình tự thu hồi đất là không có cơ sở để chấp nhận.

Vè áp đơn giá đền bù chưa thỏa đáng nhưng đã cưỡng chế thu hồi đất: Căn cứ vào Giấy xác nhận pháp lý số 483/UBND-XN ngày 17/12/2014 của Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận H, Phương án số 180/PA-HĐBT ngày 27/6/2014 của Hội đồng bồi thường dự án đã được Ủy ban nhân dân Quận H phê duyệt và

Bảng chiết tính ngày 26/12/2014 thì Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 5560/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư với bà T với tổng giá trị bồi thường hỗ trợ là 12.262.295.000 đồng là có cơ sở.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015, bác kháng cáo của bà Lê Hoàng Diệp T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là bà Lê Hoàng Diệp T có bà Lê Thị T là người đại diện hợp pháp, người bị kiện là Ủy ban nhân dân Quận H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H có ông Nguyễn Phước H – Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Quận H là người đại diện hợp pháp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận H có ông Nguyễn Thoại H là người đại diện hợp pháp và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Lê Nguyên V có ông Bùi Minh N là người đại diện hợp pháp vắng mặt, nhưng các đương sự nêu trên có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt;

Ông Nguyễn Mạnh V là người đại diện hợp pháp của người khởi kiện bà Lê Hoàng Diệp T và ông Huỳnh Minh S là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Lê Nguyên V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt,

Căn cứ quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quyết định số 5560/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 là quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư do Ủy ban nhân dân Quận H ban hành; Quyết định số 3818/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 là quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai về cưỡng chế thu hồi đất do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành. Các quyết định nêu trên được áp dụng đối với bà Lê Hoàng Diệp T. Ngày 28/12/2015, bà Lê Hoàng Diệp T khởi kiện đối với hai quyết định nêu trên. Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3, Khoản 1 Điều 30, Điều 31, Điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc hội về thi hành Luật Tố tụng hành chinh, các quyết định nêu trên là quyết định hành chính bị kiện; đơn khởi kiện của bà T là còn thời hiệu; Tòa án nhân dân Quận H thụ lý vụ án trước ngày 01/7/2016 và tiếp tục giải quyết vụ án sau ngày 01/7/2016 là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về kháng cáo của bà Lê Hoàng Diệp T yêu cầu hủy Quyết định số

5560/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 với lý do Ủy ban nhân dân Quận H ban hành hành quyết định nêu trên không đúng trình tự thủ tục vì trước khi ban hành quyết định thu hồi đất Ủy ban nhân dân Quận H không tổ chức tiếp xúc, hiệp thương với bà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Sau khi có Quyết đinh số 10657/QĐ-UBND-TNMT ngày 10/9/2012 của Ủy ban nhân dân Quận H về việc thu hồi đất của bà T để thực hiện dự án xây dựng Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, Tổ công tác Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận H đã tiến hành mời bà T đến tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Đ để tiến hành tiếp xúc, hiệp thương nhưng bà T đều vắng mặt thể hiện tại biên bản lập ngày 29/9/2014 và ngày 25/12/2014 của Ủy ban nhân dân phường Đ. Ngày 17/12/2014, Ủy ban nhân dân phường Đ lập Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà, đất số 483/UBND-XN, xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng nhà đất của bà Lê Hoàng Diệp T. Đến ngày 29/12/2014, Ủy ban nhân dân Quận H mới ban hành Quyết định số 5560/QĐ-UBND để bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho bà T. Như vậy việc Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 5560/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho bà T là đúng trình tự và đúng thẩm quyền quy định định tại Điều 69 Luật Đất đai 2013; Điều 5, Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Kháng cáo của bà T yêu cầu hủy Quyết định số 5560/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân Quận H với lý do nêu trên là không có cơ sở.

[4] Về kháng cáo của bà Lê Hoàng Diệp T yêu cầu hủy Quyết định số 5560/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 với lý do Ủy ban nhân dân Quận H áp dụng đơn giá đất để chiết tính bồi thường cho bà không đúng với đơn giá đất thực tế tại địa phương nên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Về vị trí, diện tích, thời gian sử dụng, pháp lý phần đất và tài sản có trên đất bị thu hồi:

Căn cứ Quyết định thu hồi đất số 19657/QĐ-UBND-TNMT ngày 10/9/2012 do Ủy ban nhân dân Quận H ban hành thì phần đất diện tích 3.064,9m^2 thuộc thửa đất số 76, 79 và một phần thửa đất số 42, tờ bản đồ số 2 (Bản đồ địa chính đo đạc năm 2004) tọa lạc tại phường Đ, Quận H của bà Lê Hoàng Diệp T bị thu hồi để thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng đầu tư xây dựng Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi tại phường Đ, Quận H (mục đích công cộng). Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận H lập ngày 16/02/2012, được Ủy ban nhân dân Quận H xác nhận ngày 23/8/2012.

Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận H lập ngày 16/02/2012 thì theo tài liệu Chỉ thị 02/CT-UB, phần đất mà bà T bị thu hồi có diện tích 3.073,7m^2 (trong đó thửa 75 gồm thửa phân chiết là 75^{-1} và 75^{-2} có diện tích 153,8m^2, thửa 76 có diện tích 762,6m^2, thửa 77 gồm thửa phân chiết là 77^{-1} và 77^{-2} có diện tích là 66m^2, thửa A^{-78} gồm thửa phân chiết là 1423^{-1}, 1423^{-2} và 1423^{-3} có diện tích 1441,8m^2, thửa 8^{-8} có diện tích 200m^2, thửa

79 có diện tích 276,3m^2 và rạch (a) có diện tích 173,4m^2). Còn theo tài liệu năm 2004, phần đất mà bà T bị thu hồi thuộc thửa 42 có diện tích 3.073,7m^2 (trong đó thửa phân chiết 42^{-1} có diện tích 2.873,7m^2 và thửa phân chiết 42^{-2} có diện tích 200m^2).

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A479574 ngày 05/3/1999, số O123563 ngày 10/9/2001 do Ủy ban nhân dân Quận H cấp, Bản vẽ do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận H lập ngày 13/02/2012, Xác nhận pháp lý số 483/UBND-XN ngày 17/12/2014 của Ủy ban nhân dân phường Đ lập và Biên bản số 01/BBKK ngày 18/11/2012 về việc kiểm kê vật kiến trúc, hoa màu và tài sản gắn liền trên đất để phục vụ bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất do Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Ủy ban nhân dân 2 lập, được sự thừa nhận của bà T.

Ủy ban nhân dân Quận H xác định phần đất nêu trên có vị trí, thời gian sử dụng, pháp lý đất và tài sản trên đất như sau:

Về đất gồm có: Đất ở sử dụng từ trước 15/10/1993, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (vị trí hẻm cấp 1, vị trí 1): 200 m^2; đất nông nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không mặt tiền đường): 2.625,6m²; đất nông nghiệp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không mặt tiền đường): 66m²; rạch chiếm dụng từ năm 1997: 173,4m².

Về tài sản trên đất gồm có: nhà ở diện tích 137,5m^2, hàng rào và cây trồng.

Việc xác định của Ủy ban nhân dân Quận H về vị trí, thời gian sử dụng, pháp lý đất và tài sản trên đất đối với đất của bà T bị thu hồi là có căn cứ.

- Về bồi thường hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho bà T:

Như trên đã nêu phần đất của bà T bị thu hồi là để sử dụng vào mục đích công cộng, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Quận H đã căn cứ Phương án số 180/PA-HĐBT do Hội đồng Bồi thường dự án lập ngày 27/6/2014 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư phục vụ xây dựng Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, phường Đ, Quận H do Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận H làm chủ đầu tư (Phương án số 180/PA-HĐBT), được Ủy ban nhân dân Quận H phê duyệt tại Quyết định số 2801/QĐ-UBND ngày 27/6/2014, để lập Bảng chiết tính 01/BTĐ ngày 26/12/2014 bồi thường, hỗ trợ cho bà T như sau:

A. Bồi thường, hỗ trợ về đất:

- Đất ở sử dụng từ trước 15/10/1993, chưa được cấp giấy chứng nhận (vị trí hẻm cấp 1, vị trí 1): 200 m^2 x 18.482.000 đồng/m² x 1,0 = 3.696.400.000 đồng.

- Đất nông nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không mặt tiền đường): 2.625,6m² x 342.000 đồng/m² x 1,0 = 897.955.200 đồng.

- Đất nông nghiệp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không mặt tiền đường): 66m² x 342.000 đồng/m² x 1,0 = 22.572.000 đồng.

- Phần diện tích rạch chiếm dụng từ năm 1997 (không bồi thường, hỗ trợ): 173,4m².

- Hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư (trong cùng thửa đất): 1.000m^2 x 18.482.000 đồng/m^2 x 0,4 = 7.392.800.000 đồng.

B. Công trình xây dựng và vật kiến trúc: = 224.510.200 đồng.

C. Trang thiết bị và tài sản khác: = 0 đồng.

D. Cây trồng, hoa màu: = 24.057.600 đồng.

E. Các khoản hỗ trợ khác: = 4.000.000 đồng.

***** Về tái định cư: Trường hợp không còn chỗ ở nào khác, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Đ thì đủ điều kiện tái định cư.

Việc Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Quận H lập Bảng chiết tính 01/BTĐ ngày 26/12/2014 bồi thường, hỗ trợ cho bà T như nêu trên là đúng quy định tại Khoản a và Khoản b điểm 4.1 Mục 4, Điểm 8.1 mục 8 và điểm 11.1 Mục 11 phần B của Phương án số 180/PA-HĐBT, Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 69/NĐ-CP ngày 13/8/2009, Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Văn bản số 2954/UBND-ĐTMT ngày 25/6/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định việc áp giá đối với hộ bà Lê Hoàng Diệp T trong dự án xây dựng Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi.

Căn cứ vào Bảng chiết tính nêu trên, Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 5560/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà T là đúng quy định của pháp luật.

Kháng cáo của bà T cho rằng đơn giá đất mà Ủy ban nhân dân Quận H chiết tính để bồi thường cho bà không đúng với đơn giá đất thực tế tại địa phương nên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà là không có cơ sở.

[5] Về kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 3818/QĐ-UBND ngày 07/9/2015:

Sau khi có Quyết định số 10657/QĐ-UBND-TNMT ngày 10/9/2012 của Ủy ban nhân dân Quận H về việc thu hồi đất của bà T, có Phương án số 180/PA-HĐBT về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và có Quyết định bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 5560/QĐ-UBND ngày 29/12/2014, Ủy ban nhân dân phường Đ đã có thư mời ngày 26/8/2015 để mời bà T đến để tiếp xúc, vận động bàn giao mặt bằng vào ngày 31/8/2015, nhưng bà T không đến và không thông báo lý do vắng mặt nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 3818/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 về cưỡng chế thu hồi đất đối với bà T là đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền quy định tại Khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai 2013, Khoản 2 Điều 71 Luật Đất đai 2013. Quyết định này cũng đã được giao cho bà T thể hiện tại Biên bản lập ngày 07/10/2015 của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận H có sự chứng kiến của đại diện Ủy ban nhân dân phường Đ, Đội Quản lý trật tự đô thị Quận H, Ủy ban nhân dân Phường B, Quận B. Do đó, kháng cáo của bà T yêu cầu hủy Quyết định số 3818/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H là không có cơ sở.

[6] Như vậy, việc Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định 5560/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 3818/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 là đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của bà T là có căn cứ.

[7] Kháng cáo của bà T yêu cầu hủy Quyết định số 5560/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân Quận H và Quyết định số 3818/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H là không có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cảo của bà T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bà T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Điều 69 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc hội về thi hành Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 5, Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

I. Bác kháng cáo của bà Lê Hoàng Diệp T và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2017/HC-ST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân Quận H:

- Căn cứ vào Điều 146, Điều 194, Điều 206 Luật tố tụng hành chính có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;
- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 104 Luật tố tụng hành chính năm 2010
- Căn cứ khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015
- Căn cứ khoản 4 Điều 67, Điều 71 Luật đất đai năm 2013
- Căn cứ vào Nghị quyết 02/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện bà Lê Hoàng Diệp T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5560/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân Quận H về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định số 3818/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H về

cưỡng chế thu hồi đất.

2. Án phí hành chính sơ thẩm bà Lê Hoàng Diệp T phải chịu là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng theo biên lai số AD/2012/04055 ngày 06/01/2016 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập. Bà T đã nộp đủ án phí. Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

II. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lê Hoàng Diệp T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số AE/2014/0008359 ngày 07/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Bà T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND Quận 2;
- Chi cục THA Dân sự Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Kim Thoa